

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIỀN LỤC

DANH SÁCH CHỦ SỬ DỤNG VÀ CÁC THỪA ĐẤT THU HỒI

Để thực hiện dự án: Tuyến đường vành đai phía Bắc huyện Lạng Giang (đoạn thị trấn Kép đi ĐT 292)

Địa điểm thực hiện: Tại các thôn Bến Phà, De, Giữa, Đàng và Vàng, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /3/2026 của Chủ tịch UBND xã Tiên Lục)

STT	Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất	Hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sử dụng	Địa chỉ (thôn)	Bản đồ GPMB				Diện tích dự kiến thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Ký hiệu loại đất	Ghi chú
				Tờ bản đồ số	Số tờ bản đồ sau sát nhập	Số thửa	Diện tích (m ²)				
Tổng cộng							125.968,5	16.606,3	109.362,2		
1	Phan Văn Tuyển	Phan Văn Tuyển	Thôn Bến Phà	23	23	571	194,7	5,4	189,3	ONT+ CLN	
2	Phan Hùng Tiến	Phan Hùng Tiến	Thôn Bến Phà	23	23	598	193,8	98,6	95,2	ONT+ CLN	
3	Đặng Minh Cường	Đặng Minh Cường	Thôn Bến Phà	23	23	599	165,4	165,4	-	ONT+ CLN	
4	Đào Khắc Hậu, vợ Lê Thị Cúc	Đào Khắc Hậu, vợ Lê Thị Cúc	Thôn Bến Phà	23	23	600	234,9	234,9	-	ONT+ CLN	
5	Lê Mạnh Hùng (Lê Mạnh Hà), vợ Đồng Thị Thủy	Lê Mạnh Hùng (Lê Mạnh Hà), vợ Đồng Thị Thủy	Thôn Bến Phà	23	23	601	192,5	192,3	0,2	ONT+ CLN	
6	Phan Văn Dong, Vợ Hoàng Thị Mai	Phan Văn Dong, Vợ Hoàng Thị Mai	Thôn Bến Phà	23	23	1023	333,4	5,9	327,5	ONT+ CLN	
7	Phan Văn Dong, Vợ Hoàng Thị Mai	Phan Văn Dong, Vợ Hoàng Thị Mai	Thôn Bến Phà	23	23	989	167,3	14,6	152,7	ONT+ CLN	
8	Phan Thị Thương, Bó Phan Văn Dong	Phan Thị Thương, Bó Phan Văn Dong	Thôn Bến Phà	23	23	986	157,3	11,4	145,9	ONT+ CLN	
9	Phan Thị Hiền, bó Phan Văn Dong	Phan Thị Hiền, bó Phan Văn Dong	Thôn Bến Phà	23	23	987	156,6	10,4	146,2	ONT+ CLN	
10	Phan Thị Huệ, bó Phan Văn Dong	Phan Thị Huệ, bó Phan Văn Dong	Thôn Bến Phà	23	23	988	155,8	9,8	146,0	ONT+ CLN	
11	Giáp Thị Dần	Giáp Thị Dần	Thôn Bến Phà	23	23	574	480,4	24,5	455,9	ONT+ CLN	
12	Hoàng Thị Thùy Dung, Con Lê Văn Nam	Hoàng Thị Thùy Dung, Con Lê Văn Nam	Thôn Bến Phà	23	23	575	709,3	8,1	701,2	ONT+ CLN	
13	Đặng Văn Tuyển, vợ Dương Thị Liên	Đặng Văn Tuyển, vợ Dương Thị Liên	Thôn Bến Phà	23	23	496	770,8	9,1	761,7	ONT+ CLN	
14	Đồng Văn Thanh	Đồng Văn Thanh	Thôn Bến Phà	23	23	467	1.473,7	41,3	1.432,4	ONT+ CLN	
15	Đặng Văn Pha	Đặng Văn Pha	Thôn De	18	18	196	2.267,7	1.014,1	1.253,6	ONT+ CLN	
16	Đặng Văn Điều	Đặng Văn Điều	Thôn De	18	18	197	1.616,6	23,3	1.593,3	ONT+ CLN	
17	Phạm Văn Hùng	Phạm Văn Hùng	Thôn Giữa	12	56	543	1.070,6	122,2	948,4	ONT+ CLN	
18	Trần Đăng Mạnh, vợ Phạm Thị Kim Thu	Trần Đăng Mạnh, vợ Phạm Thị Kim Thu	Thôn Đàng	35	79	56	1.157,7	945,5	212,2	ONT+ CLN	
19	Trần Đăng Lợi	Trần Đăng Lợi	Thôn Đàng								
20	Nguyễn Văn Nam, vợ là Nguyễn Thị Nhung (anh trai là Nguyễn Văn Minh)	Nguyễn Văn Nam, vợ là Nguyễn Thị Nhung (anh trai là Nguyễn Văn Minh)	Thôn Giữa	35	79	58	526,9	21,9	505,0	ONT+ CLN	
21	Nguyễn Thị Miễn, chồng là Trần Đăng Bất	Nguyễn Thị Miễn, chồng là Trần Đăng Bất	Thôn Đàng	10	54	85	1.032,2	580,1	452,1	TSN + LUC	
22	Trần Đăng Đạt	Trần Đăng Đạt	Thôn Đàng								
23	Trần Đăng Canh	Trần Đăng Canh	Thôn Đàng								
24	Đồng Khắc Tiên		Thôn Vàng								
25	Đồng Khắc Sơn		Thôn Vàng								
26	Nguyễn Đình Mật		Thôn Vàng								
27	Bà Nguyễn Thị Huệ, ông Đồng Khắc Đầu, ông Đồng Khắc Diệp, bà Đồng Thị Lương, bà Đồng Thị Xoan là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đồng Khắc Lý		Thôn Vàng								

STT	Cá nhân sử dụng đất	Đang trực tiếp sử dụng	(thôn)	1/0 ban đồ số	Số tờ bản đồ sau sát nhập	Số thửa	Diện tích (m ²)	Giá trị (m ²)	Giá trị (m ²)	Loại đất	Giá trị
28	Nguyễn Đình Huê	Đồng Khắc Huyện	Thôn Vàng	10	54	88	4.946,9	1045,7	3.901,2	TSN + LUC	
29	Đồng Khắc Huyện, bố là Đồng Khắc Đệ		Thôn Vàng								
30	Đồng Nguyên Công		Thôn Vàng								
31	Bà Đồng Thị Hạnh, bà Đồng Thị Hằng, ông Đồng Khắc Hải, ông Đồng Khắc Hậu là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đồng Khắc Ban		Thôn Vàng								
32	UBND xã										
33	Đồng Khắc Tâm, vợ là Nguyễn Thị Vịnh	Đồng Thị Hội	Thôn Vàng	10	54	27	3.053,0	397,7	2.655,3	TSN + LUC	
34	Bà Đồng Thị Lo, bà Đồng Thị Lâm, ông Đồng Khắc Gám, ông Đồng Khắc Thêu là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đồng Khắc Quỳnh đã chết		Thôn Vàng								
35	Đồng Nguyên Công		Thôn Vàng								
36	Bà Đồng Thị Hạnh, bà Đồng Thị Hằng, ông Đồng Khắc Hải, ông Đồng Khắc Hậu là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đồng Khắc Ban		Thôn Vàng								
37	Nguyễn Đình Huê		Thôn Vàng								
38	UBND xã										
39	Đồng Khắc Huỳnh	Bùi Thị Dăm	Thôn Vàng								
40	Nguyễn Văn Phiên		Thôn Vàng								
41	Đồng Khắc Điện	Trần Thị Hòa	Thôn Vàng	9	53	9	11.279,3	2186,0	9.093,3	TSN + LUC	
42	Ông Đồng Văn Giáp, bà Đồng Thị Thuận (là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đồng Văn Bốn đã chết và bà Đồng Thị Giang đã chết)		Thôn Vàng								
43	Đồng Văn Đường		Thôn Vàng								
44	Đồng Văn Thà		Thôn Vàng								
45	Ông Đồng Khắc Hán, ông Đồng Khắc Thạch, ông Đồng Khắc Đoàn, bà Đồng Thị Trịnh (là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đồng Khắc Viện đã chết và bà Nguyễn Thị Dậu đã chết)		Thôn Vàng								
46	Đồng Duy Tùng		Thôn Vàng								
47	Đồng Văn Xã		Thôn Vàng								
48	Bà Trần Thị Ty, ông Đồng Khắc Chương, bà Đồng Thị Phương, bà Đồng Thị Hiền, bà Đồng Thị Hiền, bà Đồng Thị Hương là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đồng Khắc Bất đã chết		Thôn Vàng								
49	Bà Đồng Thị Cải, ông Đồng Khắc Mạnh, bà Đồng Thị Nhưông, bà Đồng Thị Phương, bà Đồng Thị Châm là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đồng Khắc Tuấn đã chết		Thôn Vàng								
50	Đồng Khắc Chức, vợ là Trần Thị Hay		Thôn Vàng								

STT	Cá nhân sử dụng đất	đang trực tiếp sử dụng	(thôn)	1/0 ban đồ số	Số tờ bản đồ sau sát nhập	Số thửa	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Giá trị (m ²)	Loại đất	Giá trị
51	Bà Đồng Thị Thoá, bà Đồng Thị Ngoạn, bà Đồng Thị Quyên, bà Đồng Thị Uyên, ông Đồng Khắc Hoàn, ông Đồng Khắc Chính là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đồng Khắc Ngoan đã chết		Thôn Vàng								
52	UBND xã										
53	Đồng Khắc Bi	Đông Duy Quận	Thôn Vàng	9	53	1	3.208,3	1257,9	1.950,4	TSN + LUC	
54	Đồng Khắc Chiến, vợ là Phạm Thị Nhi		Thôn Vàng								
55	Đồng Khắc Huyền		Thôn Vàng								
56	Đồng Văn Thành, bố là Đồng Văn Nghĩa		Thôn Vàng								
57	Bà Đồng Thị Hữu, bà Đồng Thị Mơ, bà Đồng Thị Mân, ông Đồng Khắc Nhận là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đồng Khắc Thắng		Thôn Vàng								
58	Đồng Duy Chuẩn		Thôn Vàng								
59	Đồng Thị Quán		Thôn Vàng								
60	Bà Nguyễn Thị Việt, bà Đồng Thị Bắc, bà Đồng Thị Thanh, ông Đồng Văn Thơi, ông Đồng Văn Mát, bà Đồng Thị Nhân là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đồng Văn Lược đã chết		Thôn Vàng								
61	Đồng Duy Quán		Thôn Vàng								
62	Đồng Văn Quang	Thôn Vàng									
63	Ông Trần Đăng Hợp, bà Đồng Thị Xa, bà Trần Thị Lụa, bà Trần Thị Nhung, bà Trần Thị Tuyết là hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Đăng Bảo đã chết		Thôn Vàng								
64	UBND xã			12	12	581	58,9	8,8	50,1	BCS	
64	UBND xã			21	21	86	51,2	42,5	8,7	BCS	
64	UBND xã			13	13	517	731,6	71,6	660,0	DTL	
64	UBND xã			23	23	219	1.014,1	203,2	810,9	DTL	
64	UBND xã			17	17	604	1.189,6	45,4	1.144,2	DTL	
64	UBND xã			17	17	712	75,4	29,7	45,7	DTL	
64	UBND xã			17	17	879	319,2	119,3	199,9	DTL	
64	UBND xã			20	20	12	82,1	43,4	38,7	DTL	
64	UBND xã			20	20	107	779,6	64,1	715,5	DTL	
64	UBND xã			23	23	555	576,3	31,6	544,7	DTL	
64	UBND xã			23	23	35	128,3	22,2	106,1	DTL	
64	UBND xã			23	23	71	191,3	58,2	133,1	DTL	
64	UBND xã			18	18	49	223,3	5,2	218,1	BCS	
64	UBND xã			18	18	591	189,2	6,3	182,9	DTL	
64	UBND xã			18	18	685	4.890,9	719,0	4.171,9	DTL	
64	UBND xã			12	12	606	140,9	53,4	87,5	DTL	
64	UBND xã			23	23	34	27,3	7,1	20,2	DGT	
64	UBND xã			18	18	259	33,6	33,6	-	DGT	
64	UBND xã			18	18	400	23,0	15,0	8,0	DGT	
64	UBND xã			21	21	89	4.345,6	84,3	4.261,3	DGT	
64	UBND xã			20	20	18	119,2	13,5	105,7	DGT	
64	UBND xã			20	20	27	195,5	75,7	119,8	DGT	

STT	cá nhân sử dụng đất	đang trực tiếp sử dụng	(thôn)	1 ở ban đô số	Số tờ bản đồ sau sát nhập	Số thửa	Diện tích (m ²)	chiều dài (m ²)	chiều rộng (m ²)	loại đất	chiều sâu
64	UBND xã			20	20	174	14.010,8	50,6	13.960,2	DGT	
64	UBND xã			20	20	11	25,2	25,2	-	DGT	
64	UBND xã			23	23	629	14.500,6	4.199,8	10.300,8	DGT	
64	UBND xã			18	18	592	1.446,9	59,5	1.387,4	DGT	
64	UBND xã			23	23	36	25,5	7,0	18,5	DGT	
64	UBND xã			18	18	275	6.781,5	515,5	6.266,0	DGT	
64	UBND xã			17	17	713	195,0	109,8	85,2	DGT	
64	UBND xã			17	17	749	40,3	24,8	15,5	DGT	
64	UBND xã			23	23	385	273,3	34,3	239,0	DGT	
64	UBND xã			23	23	445	175,8	36,2	139,6	DGT	
64	UBND xã			12	12	512	363,5	111,5	252,0	DGT	
64	UBND xã			12	12	521	199,1	79,9	119,2	DGT	
64	UBND xã			12	12	568	142,4	35,9	106,5	DGT	
64	UBND xã			13	13	585	57,0	17,8	39,2	DGT	
64	UBND xã			17	17	99	9.807,8	127,3	9.680,5	DGT	
64	UBND xã			17	17	795	14,5	7,8	6,7	DGT	
64	UBND xã			12	12	639	929,6	42,4	887,2	DGT	
64	UBND xã			12	12	360	11.656,5	76,3	11.580,2	DGT	
64	UBND xã			13	13	518	1.300,2	209,1	1.091,1	DGT	
64	UBND xã			12	12	700	1.335,6	3,3	1.332,3	DGT	
64	UBND xã			13	13	265	5.155,1	235,4	4.919,7	DGT	
64	UBND xã			23	23	128	867,1	168,2	698,9	DGT	
64	UBND xã			12	12	583	55,0	38,2	16,8	DGT	
64	UBND xã			12	12	652	50,3	13,4	36,9	DGT	
64	UBND xã			13	13	354	200,2	6,4	193,8	DGT	
64	UBND xã			12	12	668	13,5	1,4	12,1	DGT	
64	UBND xã			12	12	699	2.514,7	76,5	2.438,2	DTL	
64	UBND xã			13	13	411	2.681,7	56,7	2.625,0	DTL	
64	UBND xã			23	23	262	156,1	36,3	119,8	DGT	
64	UBND xã			23	23	192	62,5	20,6	41,9	DGT	